

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN DI SẢN CỔ VIỆT GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN DI SẢN CỔ VIỆT GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET ANCIENT HERITAGE DEVELOPMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DSV GROUP.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110871641

3. Ngày thành lập: 24/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 52 Đường 2, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983793809

Fax:

Email: dsvgroup86@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
2.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
3.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
4.	Trồng cây hàng năm khác	0119
5.	Trồng cây ăn quả	0121
6.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
7.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
8.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
9.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
10.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
11.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
12.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
13.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
14.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
15.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
16.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
17.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
18.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
19.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079

20.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: - Sản xuất rượu công nghiệp - Sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh - Sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	1101(Chính)
21.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết: Sản xuất bia	1103
22.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
23.	Sản xuất sợi	1311
24.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
25.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
26.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
27.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
28.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
29.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
30.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
31.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
32.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
33.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
34.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
35.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc Chế biến dược liệu	2100
36.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
37.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
38.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
39.	Tái chế phế liệu	3830
40.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: -Đại lý thương mại - Môi giới thương mại (Trừ đấu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm tuân thủ)	4610
41.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
42.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

43.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
44.	Bán buôn đồ uống	4633
45.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
46.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc	4649
47.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cận)	4661
48.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
49.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
50.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
51.	Bán buôn tổng hợp (trừ bán buôn hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cận, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí)	4690
52.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng bách hóa (trừ siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi) (trừ bán buôn hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cận, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí)	4719
53.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
54.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
55.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
56.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
57.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

58.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
59.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
60.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
61.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
62.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ hoạt động đấu giá, bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, bán lẻ tem và tiền kim khí, kinh doanh vàng)	4789
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
64.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
66.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
67.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
68.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
69.	Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5629
70.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
71.	Hoạt động hậu kỳ (Trừ thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện phim ảnh).	5912
72.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
73.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
74.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
75.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
76.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
77.	Hoạt động nhiếp ảnh (Loại trừ hoạt động của phóng viên ảnh, hoạt động của các nhà báo độc lập)	7420
78.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
79.	Đại lý du lịch	7911

80.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
81.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
82.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức họp báo)	8230
83.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
85.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Hoạt động của các nhóm, gánh xiếc, hoặc các công ty, ban nhạc, dàn nhạc; Hoạt động của các nghệ sỹ đơn lẻ như các tác giả, diễn viên, đạo diễn, nhà sản xuất, nhạc sỹ, nhà diễn thuyết, hùng biện hoặc dẫn chương trình, người thiết kế sân khấu và các chủ thầu, v.v...;	9000
86.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	9610
87.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: - Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; - Cắt, tỉa và cạo râu; - Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm...	9631
88.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210

6. Vốn điều lệ: 2.881.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC Y ĐẠO	Số 1/1 ngõ 234 Đường Dương Đức Hiền, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	144.050	1.440.500.000	50,000	0110325240	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	144.050	1.440.500.000	50,000		
2	PHẠM VĂN DŨNG	Số 83 ngõ 345 phố Khương Trung, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	43.215	432.150.000	15,000	0140830050 87	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	43.215	432.150.000	15,000		

3	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	Khu tập thể 5B Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	72.025	720.250.000	25,000	0260850089 19	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	72.025	720.250.000	25,000		
4	ĐẶNG THỊ HƯỜNG	Số 83 ngõ 345 phố Khương Trung, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	28.810	288.100.000	10,000	0361880175 42	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	28.810	288.100.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 24/09/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 014083005087

Ngày cấp: 26/03/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 83 ngõ 345 phố Khương Trung, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 83 ngõ 345 phố Khương Trung, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội